

THÔNG BÁO MỜI THAM GIA ĐẦU GIÁ

Quyền sử dụng đất đối với Mặt bằng quy hoạch Khu tái định cư và tạo nguồn đối ứng thực hiện dự án Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (vị trí xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa)

1. Tên, địa chỉ của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Công ty Đầu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa;
- Địa chỉ: Số 126 Triệu Quốc Đạt, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa.

2. Người có tài sản đấu giá:

- UBND xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa.
- Địa chỉ: Thôn Trung Thượng (nay là thôn An Lạc), xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hoá.

3. Thông tin tài sản đấu giá:

3.1. Vị trí khu đất đấu giá:

Khu đất đấu giá bao gồm 121 lô đất trên địa bàn xã Hoằng Tiến thuộc Mặt bằng quy hoạch Khu tái định cư và tạo nguồn đối ứng thực hiện dự án Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (vị trí xã Hoằng Tiến), tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Giá khởi điểm, diện tích và hiện trạng của các lô đất đấu giá:

- * Giá khởi điểm của từng lô đất: *Có phụ lục chi tiết kèm theo*
- * Tổng diện tích các lô đất đưa ra đấu giá: 13.847,59m², được chia thành 121 lô đất.
- * Hiện trạng:
 - San nền: Nền hiện trạng mặt bằng quy hoạch.
 - Đường quy hoạch: Đã có đường theo quy hoạch.
 - Hệ thống thoát nước: Đã có theo quy hoạch.
 - Hệ thống điện chiếu sáng và vỉa hè lát đá: Đã có theo quy hoạch.

* Hạ tầng kỹ thuật, tài sản gắn liền với các thửa đất đấu giá tại thời điểm bán đấu giá: Hạ tầng kỹ thuật phải được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh theo mặt bằng quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.



4. Mục đích, hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất:

- Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại nông thôn
- Hình thức giao đất: Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất.
- Thời hạn sử dụng đất: Lâu dài.

5. Tiền mua hồ sơ và tiền đặt trước tham gia đấu giá

5.1. Tiền mua hồ sơ: Từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/01 hồ sơ. Giá tiền mua hồ sơ là giá đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (Hồ sơ đã mua không được đổi, trả lại).

5.2. Tiền đặt trước: Từ 280.500.000 đồng đến 638.431.200 đồng/01 hồ sơ/01 lô đất.

6. Hình thức đấu giá, phương thức đấu giá, bước giá:

6.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá một vòng, bằng hình thức bỏ phiếu kín trực tiếp tại Phiên đấu giá.

6.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

6.3. Bước giá:

- Trường hợp lô đất tổ chức đấu giá có từ hai người trở lên cùng trả giá cao nhất bằng nhau thì đấu giá viên tổ chức đấu giá tiếp giữa những người cùng trả giá cao nhất (nếu có người yêu cầu đấu giá tiếp). Bước giá để tổ chức đấu giá tiếp là 1% mức giá trả cao nhất của vòng đấu liền kề trước đó.

7. Đối tượng, thành phần hồ sơ, điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

7.1. Đối tượng được tham gia đấu giá: Cá nhân thuộc đối tượng được Nhà nước giao đất có tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 119 của Luật Đất đai năm 2024; có đủ điều kiện tham gia đấu giá theo quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật đất đai năm 2024; Điều 38 Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15 và khoản 2 Điều 55 Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ.

7.2. Thành phần hồ sơ tham gia đấu giá:

- Phiếu đăng ký tham gia đấu giá đã ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa (có dấu đỏ), (trong đó có nội dung cam kết khi trúng đấu giá phải sử dụng đất đúng mục đích, đúng quy hoạch, đúng tiến độ, đúng thời hạn nộp tiền theo quy định, không thuộc các trường hợp bị cấm tham gia đấu giá và chịu trách nhiệm về tính xác thực của thành phần hồ sơ tham gia đấu giá);

- Bản sao CC/CCCD của người tham gia đấu giá (còn thời hạn).

- Bản sao CC/CCCD của cả vợ và chồng (trừ trường hợp có nhu cầu đứng tên tài sản riêng)

- Văn bản ủy quyền theo quy định pháp luật (nếu có ủy quyền, mẫu Hợp đồng ủy quyền có trong hồ sơ mời tham gia đấu giá).

7.3. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Phải nộp đầy đủ hồ sơ tham gia đấu giá và đảm bảo đúng thời hạn theo quy định tại thông báo này.

- Người đăng ký tham gia đấu giá bao nhiêu lô đất thì mua hồ sơ và nộp tiền đặt trước tương ứng với số lượng lô đất đăng ký.

- Không thuộc các trường hợp người không được tham gia đấu giá tài sản được quy định tại Luật đấu giá tài sản.

8. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xem tài sản, thu tiền đặt trước, và tổ chức Phiên đấu giá:

- Thời gian, địa điểm tham khảo hồ sơ, mua hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ (Trong giờ hành chính):

+ Tại trụ sở UBND xã Hoàng Tiến, tỉnh Thanh Hóa: Từ 07h30' ngày 24/7/2026 đến 17h00' ngày 06/8/2026.

+ Tại Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa: Từ 07h30' ngày 24/7/2026 đến 17h00' ngày 07/8/2026.

*** Lưu ý: Thời gian kết thúc việc bán và tiếp nhận hồ sơ: 17h00' ngày 07/8/2026**

- Xem tài sản (Trong giờ hành chính): Liên tục trong 03 ngày: từ 07h30' ngày 29/7/2026 đến 17h00' ngày 31/7/2026 tại thực địa khu đất đấu giá.

Người tham gia đấu giá có nhu cầu xem thông tin và thực địa khu đất liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa trong các ngày nêu trên để được hướng dẫn chi tiết hoặc chủ động đi xem thực địa khu đất, sơ đồ MBQH, Quy chế và thông báo, được niêm yết tại UBND xã Hoàng Tiến, tỉnh Thanh Hóa; Nơi tổ chức phiên đấu giá: Hội trường UBND xã Hoàng Tiến và trụ sở Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa.

- Thời gian và hình thức nộp tiền đặt trước:

Thời gian nộp: Từ 07h30' ngày 24/7/2026 đến 17h00' ngày 07/8/2026

Hình thức nộp: Nộp tiền hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản theo thông tin sau:

+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa

+ Số tài khoản 116615153979

+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Vietinbank) - Chi nhánh Thanh Hóa



+ Đơn vị thụ hưởng: Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa

+ Số tài khoản 136863868

+ Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Thanh Hoá



+ Nội dung nộp tiền đặt trước: “Họ tên người tham gia đấu giá, Số CC/CCCD nộp tiền đặt trước đấu giá tại xã Hoàng Tiến (Số lượng lô đất)”.

+ Lưu ý: Thời gian nộp tiền đặt trước căn cứ trên thông tin số dư tài khoản hiển thị “**Báo có**” vào tài khoản của Công ty Đấu giá Hợp danh Số 5 - Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa tính đến 17h00’ ngày 07/8/2026. Trường hợp khoản tiền đặt trước về tài khoản của Công ty sau 17h00’ ngày 07/8/2026 sẽ không hợp lệ.

- Tổ chức Phiên đấu giá: Vào hồi 07h30 phút ngày 12/8/2026 – Thứ 4 tại Hội trường UBND xã Hoàng Tiến, tỉnh Thanh Hóa.

- Thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:

Số điện thoại: 0237.3511969 hoặc 0913106219 (Liên hệ trong giờ hành chính);
Email: daugiaso5quocgia.thanhhoa@gmail.com.

- Kính đề nghị Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa đăng tải thông tin này trên cổng thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- Công ĐG tài sản quốc gia – Bộ Tư pháp;
- VP UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Báo và Đài phát thanh truyền hình Thanh Hóa (đăng Q/C);
- UBND xã Hoàng Tiến (N/Y);
- Người tham gia đấu giá;
- Lưu VT.



Kiều Thị Lan

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 7 năm 2026

PHỤ LỤC

Chi tiết diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ tham gia đấu giá quyền sử dụng đất đối với Mặt bằng quy hoạch Khu tái định cư và tạo nguồn đối ứng thực hiện dự án Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (vị trí xã Hoằng Tiến, tỉnh Thanh Hóa)

(Kèm theo Thông báo số: 120/2026/CNTH-TB ngày 23/7/2026 của Công ty Đầu giá Hợp danh Số 5 – Quốc gia Chi nhánh Thanh Hóa)

STT	Ký hiệu lô đất	Diện tích (m2)	Hệ số	Đơn giá (đồng/m2)	Tổng giá trị QSD đất khởi điểm để đấu giá (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng/hồ sơ)	Tiền đặt trước để đấu giá (đồng/hồ sơ/lô đất)
Mặt bằng quy hoạch Khu tái định cư và tạo nguồn đối ứng thực hiện dự án Đường giao thông đến Khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến (vị trí xã Hoằng Tiến) được phê duyệt tại Quyết định số 3100/QĐ-UBND ngày 31/8/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa							
1	LK1:01	103,81	1,2	7.920.000	822.175.200	100.000	411.087.600
2	LK1:02	108,92	1,0	6.600.000	718.872.000	100.000	359.436.000
3	LK1:03	97,36	1,0	6.600.000	642.576.000	100.000	321.288.000
4	LK1:04	105,29	1,0	5.500.000	579.095.000	100.000	289.547.500
5	LK1:05	105,93	1,0	5.500.000	582.615.000	100.000	291.307.500
6	LK1:06	106,56	1,0	5.500.000	586.080.000	100.000	293.040.000
7	LK1:07	107,20	1,0	5.500.000	589.600.000	100.000	294.800.000
8	LK1:08	107,83	1,0	5.500.000	593.065.000	100.000	296.532.500
9	LK2:1	108,14	1,2	7.920.000	856.468.800	100.000	428.234.400
10	LK2:2	103,34	1,0	6.600.000	682.044.000	100.000	341.022.000
11	LK2:3	102,74	1,0	6.600.000	678.084.000	100.000	339.042.000
12	LK2:4	111,00	1,0	5.500.000	610.500.000	100.000	305.250.000
13	LK2:5	111,00	1,0	5.500.000	610.500.000	100.000	305.250.000
14	LK2:6	111,00	1,0	5.500.000	610.500.000	100.000	305.250.000
15	LK2:7	111,00	1,0	5.500.000	610.500.000	100.000	305.250.000
16	LK3:01	126,00	1,2	7.920.000	997.920.000	100.000	498.960.000
17	LK3:02	117,00	1,0	6.600.000	772.200.000	100.000	386.100.000
18	LK3:03	117,00	1,0	6.600.000	772.200.000	100.000	386.100.000

19	LK3:04	117,00	1,0	6.600.000	772.200.000	100.000	386.100.000
20	LK3:05	126,00	1,2	7.920.000	997.920.000	100.000	498.960.000
21	LK3:06	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
22	LK3:07	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
23	LK3:08	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
24	LK3:09	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
25	LK3:10	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
26	LK3:11	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
27	LK3:12	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
28	LK3:13	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
29	LK3:14	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
30	LK3:15	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
31	LK3:16	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
32	LK3:17	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
33	LK3:18	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
34	LK3:19	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
35	LK3:20	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
36	LK3:21	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
37	LK3:22	97,50	1,2	6.600.000	643.500.000	100.000	321.750.000
38	LK3:23	97,50	1,2	6.600.000	643.500.000	100.000	321.750.000
39	LK3:24	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
40	LK3:25	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
41	LK3:26	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
42	LK3:27	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
43	LK3:28	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
44	LK3:29	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
45	LK3:30	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
46	LK3:31	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
47	LK3:32	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
48	LK3:33	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
49	LK3:34	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
50	LK3:35	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
51	LK3:36	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
52	LK3:37	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
53	LK3:38	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
54	LK3:39	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
55	LK4:01	126,00	1,2	7.920.000	997.920.000	100.000	498.960.000
56	LK4:02	117,00	1,0	6.600.000	772.200.000	100.000	386.100.000
57	LK4:03	117,00	1,0	6.600.000	772.200.000	100.000	386.100.000
58	LK4:04	117,00	1,0	6.600.000	772.200.000	100.000	386.100.000
59	LK4:05	126,00	1,2	7.920.000	997.920.000	100.000	498.960.000

60	LK4:06	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
61	LK4:07	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
62	LK4:08	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
63	LK4:09	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
64	LK4:10	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
65	LK4:11	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
66	LK4:12	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
67	LK4:13	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
68	LK4:14	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
69	LK4:15	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
70	LK4:16	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
71	LK4:17	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
72	LK4:18	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
73	LK4:19	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
74	LK4:20	126,00	1,2	6.600.000	831.600.000	100.000	415.800.000
75	LK4:21	117,00	1,0	5.500.000	643.500.000	100.000	321.750.000
76	LK4:22	117,00	1,0	5.500.000	643.500.000	100.000	321.750.000
77	LK4:23	117,00	1,0	5.500.000	643.500.000	100.000	321.750.000
78	LK4:24	126,00	1,2	6.600.000	831.600.000	100.000	415.800.000
79	LK4:25	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
80	LK4:26	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
81	LK4:27	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
82	LK4:28	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
83	LK4:29	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
84	LK4:30	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
85	LK4:31	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
86	LK4:32	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
87	LK4:33	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
88	LK4:34	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
89	LK4:35	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
90	LK4:36	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
91	LK4:37	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
92	LK4:38	102,00	1,0	5.500.000	561.000.000	100.000	280.500.000
93	LK5:01	156,65	1,2	7.920.000	1.240.668.000	200.000	620.334.000
94	LK5:02	160,38	1,0	6.600.000	1.058.508.000	200.000	529.254.000
95	LK5:03	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
96	LK5:04	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
97	LK5:05	160,00	1,0	5.500.000	880.000.000	100.000	440.000.000
98	LK5:06	160,00	1,0	5.500.000	880.000.000	100.000	440.000.000
99	LK5:07	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
100	LK5:08	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000

101	LK5:09	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
102	LK5:10	160,00	1,0	5.500.000	880.000.000	100.000	440.000.000
103	LK5:11	160,00	1,0	5.500.000	880.000.000	100.000	440.000.000
104	LK5:12	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
105	LK5:13	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
106	LK5:14	158,22	1,0	5.500.000	870.210.000	100.000	435.105.000
107	LK5:15	156,02	1,2	6.600.000	1.029.732.000	200.000	514.866.000
108	LK6:01	161,22	1,2	7.920.000	1.276.862.400	200.000	638.431.200
109	LK6:02	166,48	1,0	6.600.000	1.098.768.000	200.000	549.384.000
110	LK6:03	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
111	LK6:04	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
112	LK6:05	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
113	LK6:06	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
114	LK6:07	160,00	1,0	5.500.000	880.000.000	100.000	440.000.000
115	LK6:08	160,00	1,0	5.500.000	880.000.000	100.000	440.000.000
116	LK6:09	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
117	LK6:10	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
118	LK6:11	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
119	LK6:12	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
120	LK6:13	128,00	1,0	5.500.000	704.000.000	100.000	352.000.000
121	LK6:14	155,50	1,2	6.600.000	1.026.300.000	200.000	513.150.000
Tổng 121 lô đất		13.847,59			81.083.303.400		40.541.651.700